TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **526**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2022
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Yến

2. Bà Lê Thị Thu Trà

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 532/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H1** – sinh năm 1971; Địa chỉ: 808/9/3 C, Phường KK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Khắc H2** – sinh năm 1965; Địa chỉ: 808/9/3 C, Phường KK, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Nguyễn Khắc H2 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1998 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/1998, quyển số 01/P.12 ngày 28/4/1998 do Ủy ban nhân dân Phường KK, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi cưới cả hai về chung sống tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng bình thường tới khoảng vài năm gần đây thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, ông H2 không quan tâm chăm sóc tới vợ con. Mặc dù bà H1 đã nhiều lần cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không thu được kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà H1 xin ly hôn với ông H2 để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H1 khai cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N - sinh năm 1999 và Nguyễn Huy H3 - sinh năm 2003. Do các con chung đều đã trưởng thành nên bà H1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Khắc H2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn không lên cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà H1 giữ nguyên ý kiến cũng như yêu cầu đã trình bày trước Tòa.

Bị đơn - ông H2 vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà H1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H2. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H2 cư ngụ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 36/1998, quyển số 01/P.12 ngày 28/4/1998 do Ủy ban nhân dân Phường KK, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà H1 và ông H2 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H2.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H1 có yêu cầu ly hôn với ông H2. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H1 trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông H2 có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không hạnh phúc, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông H2 thường xuyên bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc. Bà H1 đã cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không thu được kết quả. Toà án đã nhiều lần triệu tập ông H2 đến Toà để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và tham dự phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông H2 không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa, chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà H1 và ông H2 không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H1.

[3.2] Về con chung: Bà H1 và ông H2 có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N - sinh năm 1999 và Nguyễn Huy H3 - sinh năm 2003. Do các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 khai không có, ông H2 vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp ông H2 có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H1 đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim H1:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H1 được ly hôn với ông Nguyễn Khắc H2.

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N - sinh năm 1999 và Nguyễn Huy H3 - sinh năm 2003. Do các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 khai không có. Trường hợp ông H2 có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác;

2. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà bà H1 đã nộp theo biên lai số 0030503 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà H1 không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hiếu